

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67/2023/HNGĐ- ST**

Ngày : 14-9-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH LÂM ĐỒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Tài

2. Bà Hồ Thị Hồng Liên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Anh Vương- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thị Hồng- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 27/2023/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 56/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

**- Bị đơn:** Anh Phạm Cao C, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn 4, xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Chị H có mặt, anh C vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện ngày 13/01/2023 các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh Phạm Cao C tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, chung sống với nhau từ năm 2001, có tổ chức đám cưới. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 24/4/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống ổn định tại thôn 4, xã Lộc N, huyện B, hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 2013 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Lý do anh C nghiện ma túy, đi chấp hành án nhiều lần nên cuộc sống chung vợ chồng không thể duy trì được, có lần anh C còn đánh đập chị. Từ tháng 8/2022 đến nay vợ chồng sống chung một nhà nhưng phận ai nấy sống,

không quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị H yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh Phạm Cao C,

Về con chung: Quá trình chung sống chị H và anh Phạm Cao C có 03 con chung là: Phạm Thị Thu M1, sinh năm 2002, Phạm Thu P1, sinh ngày 08/5/2008 và Phạm Gia B1, sinh ngày 10/11/2012. Nay ly hôn chị H yêu cầu được nuôi hai con chung là Phạm Thu P1 và Phạm Gia B1 đến khi các con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu Phạm Thị Thu M1 đã trên 18 tuổi, tự lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H tự thỏa thuận với anh Phạm Cao C về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị H và anh Phạm Cao C không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Cao C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến làm việc nên không có lời khai nào.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 07/7/2023 nhưng không thành vì chị H có mặt còn anh C vắng mặt. Chị H có đơn yêu cầu không tiếp tục hòa giải mà giải quyết vụ án theo luật định.

#### ***Tại phiên tòa:***

Nguyên đơn có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Kết thúc phần tranh luận, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H được ly hôn với anh C. Về con chung cần giao con chung là Phạm Thu P1, sinh ngày 08/5/2008 và Phạm Gia B1, sinh ngày 10/11/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Chị H không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết. Đối với con chung là Phạm Thị Thu M1, sinh năm 2002 đã trên 18 tuổi, tự lao động chị H không yêu cầu nên không xem xét. Về tài sản chung chị H tự thỏa thuận với anh C không yêu cầu nên không xem xét. Về nợ chung không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về án phí đề nghị giải quyết theo pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

##### **1. Về thủ tục tố tụng:**

Bị đơn anh Phạm Cao C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

## **2. Về nội dung vụ án:**

*Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Cao C chung sống với nhau từ năm 2001, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng ngày 24/4/2002. Đây là quan hệ hôn nhân và gia đình được xác lập, thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống ổn định tại xã Lộc N, huyện B, hôn nhân hạnh phúc. Đến năm 2013 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn cho đến nay không thể hàn gắn đoàn tụ. Chị H trình bày anh C chơi bời dẫn đến nghiện ma túy, đi chấp hành án nhiều lần, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Từ năm 2022 đến nay mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có triệu tập anh C đến làm việc, hòa giải đoàn tụ nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do. Nay chị H vẫn kiên quyết ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C đã trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ, tình cảm vợ chồng không còn, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị H được ly hôn với anh C ly hôn là có căn cứ và đúng pháp luật.

*Về con chung:* Căn cứ lời khai chị H, các bản khai sinh của con do chị H xuất trình thì quá trình chung sống chị H và anh C có 03 con chung là Phạm Thị Thu M1, sinh năm 2003, Phạm Thu P1, sinh ngày 08/5/2008 và Phạm Gia B1, sinh ngày 10/11/2012. Đối với cháu M1 đã trên 18 tuổi, tự lao động được, chị H không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Đối với cháu P1 và cháu B1 hiện nay ở với chị H, chị H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, có đủ điều kiện nuôi con. Các con chung đều có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị H. Nay chị H yêu cầu trực tiếp nuôi hai con chung đến khi đủ 18 tuổi. Còn anh C được Tòa án triệu tập nhưng không đến làm việc nên không thể hiện ý chí về con chung. Vì vậy, xét thấy để đảm bảo sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức của con, căn cứ vào các điều 70, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần giao con chung Phạm Thu P1, sinh ngày 08/5/2008 và Phạm Gia B1, sinh ngày 10/11/2012 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ các con 18 tuổi. Chị H không ai yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét, giải quyết.

*Về tài sản chung:* Chị H tự thỏa thuận với anh C về tài sản chung và không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

*Về nợ chung:* Chị H trình bày chị và anh C không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

*Về án phí:* Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật TTDS, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đây là vụ án không có giá ngạch, cần buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 264, Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 5, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các điều 70, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, áp dụng Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đối với anh Phạm Cao C về việc “Ly hôn”.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phạm Cao C.

**2. Về con chung:** Buộc anh Phạm Cao C phải giao hai con chung là Phạm Thu P1, sinh ngày 08/5/2008 và Phạm Gia B1, sinh ngày 10/11/2012 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với con chung là Phạm Thị Thu M1, sinh năm 2002 đã trên 18 tuổi, tự lao động được, chị H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

*“Quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”.*

**3. Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận với anh Phạm Cao C và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

**4. Về án phí:** Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp tại biên lai nộp tiền số 0012670 ngày 20 tháng 02 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

**5. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã Lộc N, huyện B, tỉnh Lâm Đồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Nguyễn Thị Bích Thủy**











